

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý III/2022

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách. UBND huyện Duy Xuyên công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý II/2022 như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước:

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) đến Quý III/2022 là **942.073 triệu đồng** (trđ) sau khi loại trừ thu chuyển nguồn, kết dư 345.430 trđ thì số thu ngân sách nhà nước là **596.543 trđ** đạt 68,1% so với dự toán tỉnh giao và đạt 59,9% dự toán HĐND huyện giao. Cụ thể các khoản thu như sau:

1. Thu nội địa: 341.186 trđ, đạt 46,8% so với dự toán huyện giao và bằng 84,9% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ số thu tiền sử dụng đất thì đạt 58% dự toán huyện giao, trong đó:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: 2.644 trđ, đạt 78,7% so với dự toán huyện giao và bằng 100,6% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 144.363 trđ, đạt 73,6% so với dự toán huyện giao, bằng 108,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thuế tiêu thụ đặc biệt (chủ yếu là hoạt động casino của Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An) 78.405 tỷ đồng, đạt 78,4% dự toán huyện giao.

- Thu thuế ngoài quốc doanh: 59.070 trđ, đạt 56,3% so với dự toán huyện giao, bằng 80,2% so với cùng kỳ năm trước.

- Thuế thu nhập cá nhân: 68.578 trđ, đạt 41,3% so với dự toán huyện giao, bằng 48,9% so với cùng kỳ năm trước. Số thu chủ yếu phát sinh từ các chuyên gia, kỹ sư đang làm việc tại Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An.

- Lệ phí trước bạ: 17.594 trđ, đạt 67,7% so với dự toán huyện giao và bằng 44,9% so với cùng kỳ năm trước.

- Thuế bảo vệ môi trường: 1.723 trđ, đạt 43,1% so với dự toán huyện giao, bằng 63% so với cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất: 28.911 trđ, đạt 41,3% so với DT tỉnh giao và đạt 15,2% so với DT huyện giao. Trong đó: Thu tiền sử dụng đất thuộc tỉnh quản lý 1.229 trđ, đạt 2,5% so với DT giao. Thu tiền sử dụng đất huyện quản lý 27.682 trđ, đạt 19,8% so với DT HĐND huyện giao. Số thu này chủ yếu từ

nguồn thu đấu giá QSD đất các dự án cuối năm 2022 và KDC đường Đông Thành, Đông Bình, xã Duy Vinh.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 570 trđ, đạt 57% so với DT tỉnh giao cũng như DT huyện giao, bằng 83,1% so với cùng kỳ.

- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 1.351 trđ, đạt 337,8% so với dự toán huyện giao.

- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: 1.543 trđ, đạt 7,6% so với dự toán huyện giao. Số thu đạt thấp do dự án Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An và khu du lịch Trà Nhiêu thuê đất trả tiền 1 lần tỉnh quản lý nhưng 9 tháng đầu năm 2022 phát sinh số thu vào ngân sách rất thấp 3,1% so với DT giao.

- Phí, lệ phí: 4.667 trđ, đạt 69,7% so với dự toán huyện giao.

- Thu khác ngân sách: 8.291 trđ, đạt 107% so với dự toán huyện giao.

- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: 1.881 trđ, đạt 89,6% dự toán huyện giao.

2. Thu chuyển nguồn, kết dư năm trước: 345.530 trđ.

3. Thu ngoài phát sinh kinh tế: 252.709 trđ, đạt 94,4% dự toán huyện giao và 71,2% so với cùng kỳ năm trước.

9 tháng đầu năm 2022, mặc dù dịch bệnh Covid-19 đã được kiểm soát tốt, nhưng hoạt động của các doanh nghiệp và hộ kinh doanh phục hồi chậm, nhất là trong lĩnh vực dịch vụ - du lịch. Bên cạnh đó, do một số chính sách về miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân nhằm hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/NQ15, Nghị định số 34/2022/NĐ-CP, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP... (không dự kiến trong kế hoạch thu NSNN) nên số thu nội địa đạt thấp so với dự toán và thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình đấu giá quyền sử dụng đất trong kế hoạch năm 2022 thực hiện khá chậm. Dự án Khu TM-DV và Dân cư Đông Cầu Chìm tổ chức đấu giá vào cuối tháng 9/2022 và những tháng cuối năm 2022. Do vậy, nguồn thu tiền sử dụng đất vào NSNN trên lĩnh vực này đạt tỷ lệ rất thấp, ảnh hưởng lớn đến kết quả thu và điều hành kế hoạch vốn theo Nghị quyết HĐND huyện đã giao.

(Chi tiết theo các Phụ lục số 93/CK-NSNN; 94/CK-NSNN đính kèm)

II. Chi ngân sách nhà nước:

Tổng chi ngân sách đến Quý III/2022 thực hiện: **549.849 trđ**, đạt 78,3% so với dự toán tỉnh giao và đạt 66,8% dự toán HĐND huyện giao. Cụ thể:

1. Chi cân đối ngân sách huyện:

1.1 Chi đầu tư XD CB và mục tiêu: 93.971 trđ, nếu loại trừ số chi từ nguồn vốn khác 20.675 trđ thì chi đầu tư XD CB đến Quý III/2022 là 73.296 trđ, đạt 34,4% so với dự toán huyện giao.

1.2 Chi thường xuyên: Thực hiện đến Quý III/2022 là **432.122 trđ** đạt 72,2% so với dự toán huyện giao và bằng 94,6% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên:

Chi chương trình mục tiêu quốc gia: 119 trđ

Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư: 14.931 trđ.

Chi các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên: 8.706 trđ.

Chi ngân sách được thực hiện kịp thời, đúng mục tiêu, dự toán, nhưng trong 9 tháng đầu năm, một số khoản chi phát sinh ngoài dự toán phục vụ yêu cầu nhiệm vụ chính trị của huyện gây khó khăn trong công tác điều hành ngân sách. Mặc dù, UBND huyện đã chỉ đạo quyết liệt, đôn đốc các ngành, địa phương tăng cường giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch, nhưng tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư còn thấp, đến 30/9/2022 đạt 48,6% kế hoạch vốn.

(Chi tiết theo Phụ lục số 95/CK-NSNN đính kèm)

Vậy, UBND huyện công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý III/2022 để các cơ quan, đơn vị theo dõi, chỉ đạo và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện;
- Sở Tài chính (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- VPHU, VP HĐND-UBND huyện;
- Các ngành, MT-ĐT thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, Ly (30b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Xuân Cảnh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III/2022

(Kèm theo Báo cáo số 331 /BC-UBND ngày 17 /10/2022 của UBND huyện Duy Xuyên)

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Dự toán HĐND huyện giao | Thực hiện | So sánh thực hiện với (%) | |
|------------|--|----------------------------------|----------------|-------------------------------------|----------------------------|
| | | | | Dự toán HĐND huyện giao | Cùng kỳ năm trước |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 | 4 |
| A | TỔNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN | 996.325 | 852.191 | 85,5 | 86,1 |
| I | Thu cân đối NSNN | 728.670 | 253.030 | 34,7 | 123,8 |
| 1 | Thu nội địa | 728.670 | 253.030 | 34,7 | 123,8 |
| 2 | Thu viện trợ | 0 | 0 | | |
| II | Thu kinh phí chuyển nguồn năm trước chuyển sang | 0 | 345.530 | | 80,7 |
| III | Thu bổ sung ngân sách cấp trên | 267.655 | 252.709 | 94,4 | 71,2 |
| IV | Các khoản huy động, đóng góp | 0 | 922 | | 30,1 |
| B | TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN | 822.221 | 549.849 | 66,9 | 79,0 |
| I | Tổng chi ngân sách huyện, xã | 822.221 | 526.093 | 64,0 | 79,6 |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 212.916 | 93.971 | 44,1 | 46,1 |
| 2 | Chi thường xuyên | 598.817 | 432.122 | 72,2 | 94,6 |
| 3 | Dự phòng ngân sách | 10.488 | 0 | | |
| 4 | Chi thực hiện CCTL và chi từ nguồn khác | 0 | 0 | | |
| II | Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu | 0 | 23.756 | | 67,9 |

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III/2022

(Kèm theo Báo cáo số 331 /BC-UBND ngày 17 /10/2022 của UBND huyện Duy Xuyên)

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Dự toán HĐND huyện giao | Thực hiện | So sánh (%) | |
|------------|---|----------------------------------|----------------|-------------------------------------|----------------------------|
| | | | | Dự toán HĐND huyện giao | Cùng kỳ năm trước |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 | 4 |
| A | TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN | 996.325 | 942.073 | 94,6 | 79,1 |
| I | Thu nội địa | 728.670 | 341.186 | 46,8 | 84,9 |
| 1 | Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước | 3.360 | 2.644 | 78,7 | 100,6 |
| 2 | Thu từ khu vực doanh nghiệp có VĐT nước ngoài | 196.200 | 144.363 | 73,6 | 108,2 |
| 3 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh | 104.950 | 59.070 | 56,3 | 80,2 |
| 4 | Thuế thu nhập cá nhân | 165.920 | 68.578 | 41,3 | 48,9 |
| 5 | Lệ phí trước bạ | 26.000 | 17.594 | 67,7 | 144,9 |
| 6 | Thuế bảo vệ môi trường | 4.000 | 1.723 | 43,1 | 63,0 |
| 7 | Thu phí, lệ phí | 6.700 | 4.667 | 69,7 | 97,2 |
| 8 | Các khoản thu về nhà, đất | 211.690 | 32.375 | 15,3 | 147,5 |
| - | <i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i> | <i>1.000</i> | <i>570</i> | <i>57,0</i> | <i>83,1</i> |
| - | <i>Thu tiền sử dụng đất</i> | <i>190.000</i> | <i>28.911</i> | <i>15,2</i> | <i>146,0</i> |
| - | <i>Thu cấp quyền khai thác khoáng sản</i> | <i>400</i> | <i>1.351</i> | <i>337,8</i> | <i>496,7</i> |
| - | <i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i> | <i>20.290</i> | <i>1.543</i> | <i>7,6</i> | <i>128,7</i> |
| 9 | Thu khác ngân sách | 7.750 | 8.291 | 107,0 | 93,5 |
| 10 | Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác | 2.100 | 1.881 | 89,6 | 132,9 |
| II | Thu chuyển nguồn, kết dư | | 345.530 | | 80,7 |
| III | Thu bổ sung ngân sách cấp trên | 267.655 | 252.709 | 94,4 | 71,2 |
| IV | Các khoản huy động, đóng góp | 0 | 922 | | 30,1 |
| V | Thu từ NS cấp dưới nộp lên | 0 | 1.726 | | 72,2 |
| B | THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP | 728.670 | 253.030 | 34,7 | 123,8 |
| 1 | Từ các khoản thu phân chia | 462.530 | 190.276 | 41,1 | 122,7 |
| 2 | Các khoản thu NS huyện được hưởng 100% | 266.140 | 62.754 | 23,6 | 127,6 |

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III/2022

(Kèm theo Báo cáo số 331 /BC-UBND ngày 17 /10/2022 của UBND huyện Duy Xuyên)

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Dự toán HĐND huyện giao | Thực hiện | So sánh (%) | |
|------------|---|----------------------------------|----------------|-------------------------------------|----------------------------|
| | | | | Dự toán HĐND huyện giao | Cùng kỳ năm trước |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 | 4 |
| | TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN | 822.628 | 549.849 | 66,8 | 79,0 |
| A | CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN | 822.221 | 526.093 | 64,0 | 79,6 |
| I | Chi đầu tư phát triển | 212.916 | 93.971 | 44,1 | 46,1 |
| 1 | Chi đầu tư cho các dự án | 212.916 | 93.971 | 44,1 | 46,1 |
| 2 | Chi đầu tư phát triển khác | 0 | 0 | | |
| II | Chi thường xuyên | 598.817 | 432.122 | 72,2 | 94,6 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| 1 | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 236.426 | 155.869 | 65,9 | 95,0 |
| 2 | Chi khoa học và công nghệ | 0 | 0 | | |
| 3 | Chi y tế, dân số và gia đình | 11.122 | 7.280 | 65,5 | 0,9 |
| 4 | Chi văn hóa thông tin | 19.096 | 8.924 | 46,7 | 122,1 |
| 5 | Chi phát thanh, truyền hình | 2.087 | 2.151 | 103,1 | 205,6 |
| 6 | Chi thể dục, thể thao | 1.590 | 1.686 | 106,0 | 199,1 |
| 7 | Chi bảo vệ môi trường | 3.850 | 2.067 | 53,7 | 69,2 |
| 8 | Chi hoạt động kinh tế | 94.248 | 64.919 | 68,9 | 62,7 |
| 9 | Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể | 114.112 | 83.375 | 73,1 | 101,3 |
| 10 | Chi đảm bảo xã hội | 103.754 | 92.302 | 89,0 | 119,6 |
| 11 | Chi quốc phòng - an ninh | 10.268 | 9.041 | 88,1 | 131,6 |
| 12 | Chi khác ngân sách | 2.264 | 2.782 | 122,9 | 440,2 |
| 13 | Chi nộp ngân sách cấp trên | | 1.726 | | 72,2 |
| III | Dự phòng ngân sách | 10.488 | 0 | 0,0 | |
| IV | Chi thực hiện CCTL và chi từ nguồn khác | 0 | 0 | | |
| B | CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN | 407 | 23.756 | | 67,9 |
| 1 | Chương trình mục tiêu quốc gia | 407 | 119 | 29,2 | |
| 2 | Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư | 0 | 14.931 | | |
| 3 | Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên | 0 | 8.706 | | 58,4 |